BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CD BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Nghiên cứu Marketing - 1104015
Mã lớp học phần: 110401501 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ
Ngày thi: 23/08/2016 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.10**

Giám thị 1: P. Thuần Ký tên:
Giám thị 2: T. Tường Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100123	Hà Trần Khánh	Như	19/10/1995			7.4	bảy bốn	C15QT1	
2	1410100023	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	18/03/1995			8.2	tám hai	C16QT	
3	1410100083	Võ Thị Huỳnh	Như	11/07/1996			8.4	tám bốn	C16QT	
4	1410100057	Nguyễn Nhật	Pha	27/02/1996			8.0	tám	C16QT	
5	1210090332	Cao Minh	Phát	27/02/1994			7.2	bảy hai	C14QT3	
6	1410100012	Huỳnh Tấn	Phát	08/2/1996			7.4	bảy bốn	C16QT	
7	1410100031	Mai Thị	Phi	26/12/1996			7.4	bảy bốn	C16QT	
8	1410100070	Nguyễn Minh	Quân	27/10/1996			8.8	tám tám	C16QT	
9	1410100049	Kiều Ngọc	Sơn	21/12/1996			5.2	năm hai	C16QT	
10	1410100024	Trần Bảo	Tài	27/02/1996			8.4	tám bốn	C16QT	
11	1210090400	Trần Lữ Thanh	Tâm	08/06/1994			8.8	tám tám	C14QT4	
12	1410100015	Trần Hoàng	Thao	20/04/1996			8.0	tám	C16QT	
13	1410100011	Đàm Thế	Thành	11/11/1996			7.4	bảy bốn	C16QT	
14	1310100073	Đinh Quốc	Thành	26/03/1995			7.4	bảy bốn	C15QT1	
15	1210090431	Khưu Thị Thanh	Thảo	07/06/1993			7.8	bảy tám	C14QT4	
16	1410100087	Nguyễn Thị Mai	Thảo	30/03/1995			9.2	chín hai	C16QT	
17	1410100091	Trần Phan Như	Thảo	26/01/1996			9.2	chín hai	C16QT	
18	1410100017	Trần Lộc	Thọ	05/05/1996			8.6	tám sáu	C16QT	
19	1410100048	Nghiêm Thị	Thơm	04/05/1996			9.0	chín	C16QT	
20	1410100005	Nguyễn Trung	Thời	24/11/1996			8.4	tám bốn	C16QT	
21	1410100026	Trần Hoài	Thương	03/08/1996			9.2	chín hai	C16QT	
22	1310100141	Nguyễn Quỳnh	Tiên	08/08/1995			8.4	tám bốn	C15QT1	
23	1410100045	Nguyễn Thu	Trang	29/02/1996			9.0	chín	C16QT	
24	1310100054	Trần Thị Ngọc	Trang	08/09/1994			9.2	chín hai	C15QT1	
25	1410100044	Ngô Thị Thanh	Trúc	23/08/1996			8.0	tám	C16QT	
26	1410100004	Vũ Minh	Tuân	03/09/1996			9.2	chín hai	C16QT	
27	1410100042	Trần Quốc	Tuấn	20/04/1996			8.2	tám hai	C16QT	
28	1410100055	Lê Vi Tường	Vân	29/09/1996			9.2	chín hai	C16QT	
29	1410100056	Lê Vân Tường	Vi	29/09/1996			9.0	chín	C16QT	
30	1410100034	Phan Anh	Vũ	07/11/1996			8.6	tám sáu	C16QT	
31	1410100001	Nguyễn Hoàng	Vy	09/10/1996			9.2	chín hai	C16QT	
32	1410100090	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	20/01/1995			8.8	tám tám	C16QT	

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Nghiên cứu Marketing - 1104015

Mã lớp học phần: 110401501 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

Ngày thi: 23/08/2016 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.9**

Giám thị 1: Trần Phú Dú Ký tên:

Giám thị 2: Lê Hồng Sơn Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090003	Phạm Thị Thúy	An	02/12/1992			8.0	tám	C13QT1	
2	1410100072	Lê Thị Kim	Anh	10/03/1996			8.6	tám sáu	C16QT	
3	1210090051	Nguyễn Mạnh	Cường	26/01/1990			5.4	năm bốn	C14QT1	
4	1410100043	Võ Hùng	Cường	07/01/1996			8.8	tám tám	C16QT	
5	1410100018	Trang Ngọc	Dung	18/09/1996			8.0	tám	C16QT	
6	1410100027	Đỗ Thị Thúy	Duy	19/04/1996			8.2	tám hai	C16QT	
7	1410100030	Mao Phi	Dũng	01/07/1995			7.8	bảy tám	C16QT	
8	1410100073	Lê Thị Cẩm	Đào	07/11/1996			6.0	sáu	C16QT	
9	1410100075	Huỳnh Tấn	Đạt	22/02/1996			8.8	tám tám	C16QT	
10	1410100040	Mai Huỳnh	Đức	02/12/1996			8.0	tám	C16QT	
11	1410100033	Nguyễn Trường	Giang	12/12/1996			9.0	chín	C16QT	
12	1410100088	Trần Thanh	Giàu	15/12/1996			8.4	tám bốn	C16QT	
13	1410100008	Huỳnh Ngọc	Hảo	21/04/1996			8.4	tám bốn	C16QT	
14	1210090115	Ngô Thị Thu	Hiền	28/01/1994			7.0	bảy	C14QT1	
15	1410100046	Nguyễn Ngọc	Hiền	12/04/1996			8.2	tám hai	C16QT	
16	1410100036	Nguyễn Thị	Hiền	20/06/1996			9.0	chín	C16QT	
17	1410100061	Trần Thị	Hiền	15/01/1996			9.2	chín hai	C16QT	
18	1410100059	Huỳnh Hy	Hoan	18/07/1995			9.4	chín bốn	C16QT	
19	1410100084	Trần Thị Mộng	Hoàng	16/11/1995			8.4	tám bốn	C16QT	
20	1410100025	Nguyễn Đình	Huy	01/01/1996			8.0	tám	C16QT	
21	1410100051	Lê Thị Kim	Huyền	04/06/1995			8.2	tám hai	C16QT	
22	1410100078	Nguyễn Việt	Hùng	23/04/1996			8.8	tám tám	C16QT	
23	1410100022	Lê Tấn	Hưng	28/10/1996			8.6	tám sáu	C16QT	
24	1410100077	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	09/08/1995			8.8	tám tám	C16QT	
25	1410100047	Vũ Thị Kim	Lệ	16/12/1995			9.2	chín hai	C16QT	
26	1410100066	Nguyễn Thị	Lộc	26/12/1993			8.4	tám bốn	C16QT	
27	1410100041	Nguyễn Thanh	Lợi	09/11/1993			8.6	tám sáu	C16QT	
28	1410100021	Phạm Văn	Lượng	26/10/1996			8.0	tám	C16QT	
29	1410100039	Nguyễn Văn	Lực	14/09/1996			8.0	tám	C16QT	
30	1410100002	Trần Thục	Mẫn	19/12/1996			8.4	tám bốn	C16QT	
31	1410100064	Nguyễn Thị Thu	Ngân	26/06/1996			8.6	tám sáu	C16QT	
32	1410100053	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	24/11/1996			9.4	chín bốn	C16QT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1410100086	Lưu Kim Bảo	Ngọc	14/05/1996			6.2	sáu hai	C16QT	
34	1410100032	Mai Thị Bảo	Ngọc	07/03/1996			9.2	chín hai	C16QT	
35	1410100052	Trần Nhã	Ngọc	23/10/1992			6.8	sáu tám	C16QT	
36	1310100016	Đặng Lê	Nguyên	07/06/1995			8.8	tám tám	C16QT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 36 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 36 / 36 .

Số sinh viên đạt: 36 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 26 *tháng* 8 *năm* 2016
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 26 *tháng* 8 *năm* 2016
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)